|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  |
|  |  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/TT-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO 2 1**

**THÔNG TƯ**

**Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua,**

**khen thưởng trong lĩnh vực tài chính**

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

 *Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;*

 *Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực tài chính.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

 **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 71, khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

 2. Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và trong tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Tài chính; các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành Tài chính (sau đây gọi là Ngành).

 **Điều 2. Đối tượng thi đua, khen thưởng**

1. Đối tượng thi đua:

a) Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ và tương đương thuộc cơ quan Bộ Tài chính: gọi chung là Vụ thuộc cơ quan Bộ;

b) Tổng cục và tương đương thuộc Bộ (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ nhà nước, Kho bạc Nhà nước và Ủy ban Chứng khoán nhà nước): gọi chung là Tổng cục thuộc Bộ;

c) Học viện Tài chính, Trường Đại học Tài chính - Marketing, Trường Đại học Tài chính - Kế toán và Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh: gọi chung là cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ;

d) Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Thời báo Tài chính Việt Nam, Tạp chí Tài chính, Nhà Xuất bản tài chính, Trường Bồi dưỡng cán bộ tài chính và Nhà nghỉ Bộ Tài chính: gọi chung là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ;

đ) Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng và tương đương thuộc cơ quan Tổng cục: gọi chung là Vụ thuộc Tổng cục;

e) Cục Thuế, Cục Hải quan, Cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước trực thuộc Tổng cục tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: gọi chung là Cục địa phương;

g) Doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính và Doanh nghiệp thuộc tuyến khen thưởng của Bộ Tài chính;

h) Phòng, ban và tương đương thuộc các đơn vị tại các điểm a, c, d, đ, e, g khoản này: gọi chung là phòng;

i) Chi cục Thuế, Chi cục Dự trữ Nhà nước, Chi cục Hải quan và tương đương, Kho bạc nhà nước quận, huyện, thị xã: gọi chung là Chi cục địa phương;

k) Cán bộ, công chức (bao gồm cả công chức tập sự), viên chức, người lao động đang làm việc tại cơ quan, đơn vị quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản này.

2. Đối tượng khen thưởng:

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tập thể, cá nhân ngoài Ngành có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

c) Tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tập thể, cá nhân người nước ngoài có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển Ngành;

 d) Các đối tượng khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

 **Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng**

 1. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng thực hiện theo Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng.

 2. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên chưa khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư kiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

 **Điều 4. Trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng**

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính tổ chức phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua của toàn ngành Tài chính, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng trong Ngành.

2. Vụ Tổ chức cán bộ là cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tham mưu đề xuất với Bộ trưởng về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong Ngành; thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Tài chính xem xét, trình Bộ trưởng xét tặng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chủ trì phối hợp với cấp ủy Đảng các cấp, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cụ thể hóa nội dung, chỉ tiêu, các biện pháp tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng; kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; cho ý kiến đối với các trường hợp khen thưởng khi được thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Tài chính yêu cầu.

4. Cơ quan báo chí thuộc Bộ có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện gương người tốt, việc tốt, cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua để nêu gương, nhân rộng, phổ biến các điển hình tiên tiến; phê phán các hiện tượng tiêu cực và hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Cá nhân, tập thể được đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

**Chương II**

**DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

 **CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH**

**Điều 5. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”**

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng mỗi năm 01 lần vào thời điểm kết thúc năm công tác (kết thúc một phong trào thi đua thường xuyên) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, hoàn thành khóa học, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

6. Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét, quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

**Điều 6. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Tài chính”**

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Tài chính” được xét tặng mỗi năm 01 lần vào thời điểm kết thúc năm công tác cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do Bộ tổ chức đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Tài chính” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ Tài chính phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào thi đua, đảm bảo tiêu chuẩn theo hướng dẫn của Bộ.

3. Đối tượng xét tặng “Cờ thi đua của Bộ Tài chính”:

a) Các đơn vị được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, và i khoản 1 Điều 2 Thông tư này tham gia các khối, cụm thi đua của Bộ, của Tổng cục thuộc Bộ về việc thành lập các khối, cụm thi đua trong Ngành, thành tích đạt được trong năm đảm bảo tiêu chuẩn khen thưởng, được các khối, cụm bình xét, suy tôn;

b) Các tập thể có tham gia phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề do Bộ trưởng phát động, lập được thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua, đảm bảo tiêu chuẩn theo hướng dẫn của Bộ.

4. Số lượng bình xét:

a) Đối với khen thưởng thường xuyên hàng năm, mỗi cụm, khối thi đua bình xét 01 cờ thi đua. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác hàng năm, Bộ trưởng xem xét, quyết định số lượng cờ thi đua cụ thể trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Tài chính.

b) Đối với khen thưởng chuyên đề: căn cứ kế hoạch, nội dung phong trào thi đua, thời gian thi đua và thành tích thực tế của đơn vị, Bộ trưởng xem xét, quyết định số lượng cờ thi đua cụ thể trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Tài chính.

**Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”**

 1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng mỗi năm 01 lần vào thời điểm kết thúc năm công tác cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

 2. Đối tượng xét tặng: các đơn vị được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

 **Điều 8. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng mỗi năm 01 lần vào thời điểm kết thúc năm công tác cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối với các đơn vị trong Ngành mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên mới được bình xét danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

3. Đối tượng xét tặng: các đơn vị được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

**Điều 9. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính**

1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

 2. Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

 3. Đối tượng xét tặng: các tập thể, cá nhân được quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

**Điều 10. Giấy khen**

1. Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ, trực thuộc Bộ Tài chính để tặng cho cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy quy chế của cơ quan, đơn vị, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên; có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua do Bộ Tài chính hoặc đơn vị phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị;

2. Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ, trực thuộc Bộ Tài chính để tặng cho tập thể đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy quy chế của cơ quan, đơn vị, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên; có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua do Bộ Tài chính hoặc đơn vị phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

3. Đối tượng xét tặng: các tập thể, cá nhân được quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

4. Các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ Tài chính có tư cách pháp nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng giấy khen đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

**Điều 11. Hồ sơ đề nghị khen thưởng**

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và thức khen thưởng quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 Thông tư này, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị;

b) Danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng;

c) Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng hoặc Biên bản bình xét thi đua của Cụm, Khối thi đua đối với danh hiệu "Cờ thi đua của Bộ Tài chính";

d) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng;

e) Các văn bản khác để chứng minh thành tích đạt được của tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản đối với hình thức khen thưởng quy định tại Điều 9, 10 Thông tư này, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị;

b) Danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng;

c) Báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng;

d) Các văn bản khác (nếu có).

**Điều 12. Quy định thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng**

 1. Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được:

 a) Đợt 1: Các danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ”, “Cờ thi đua của Chính phủ”; Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng: Hồ sơ trình Bộ chậm nhất là ngày 16/01 hàng năm (theo dấu bưu điện);

b) Đợt 2: Hồ sơ đề nghị Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại gửi về Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày trước ngày 28/02 hàng năm;

c) Đợt 3: Hồ sơ đề nghị Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính, danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Tài chính gửi về Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày trước ngày 30/06 hàng năm;

d) Khối Đào tạo thực hiện theo niên khoá đào tạo, chậm nhất là ngày 15/9 hàng năm (theo dấu bưu điện).

 2. Đối với khen thưởng đột xuất, theo đợt, theo chuyên đề

 Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Bộ Tài chính ngay sau khi đạt được thành tích đột xuất hoặc theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề.

**Chương III**

**KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TÀI CHÍNH VIỆT NAM"**

**Điều 13. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tài chính Việt Nam”**

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tài chính Việt Nam” (sau đây gọi tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức tặng thưởng của Bộ Tài chính để ghi nhận thành tích, sự cống hiến của các cá nhân đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tài chính Việt Nam.

2. Kỷ niệm chương có biểu tượng, hình dáng, kích cỡ, màu sắc thể hiện đặc trưng của ngành Tài chính Việt Nam, phù hợp với quy định chung của Nhà nước, kèm theo Kỷ niệm chương là Giấy chứng nhận tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tài chính Việt Nam”.

**Điều 14. Nguyên tắc xét tặng Kỷ niệm chương**

1. Kỷ niệm chương được xét tặng, hoặc truy tặng một lần cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn; không xét tặng cho những cá nhân đã được tặng Huy chương “Vì sự nghiệp Tài chính Việt Nam”.

2. Việc xét tặng Kỷ niệm chương phải được thực hiện đúng đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ quy định tại Thông tư này.

**Điều 15. Đối tượng xét tặng Kỷ niệm chương**

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã và đang công tác trong các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Tài chính,hoặc đang làm công tác tài chính, kế toán, gồm:

a) Đối tượng thuộc điểm k khoản 1 Điều 2 Thông tư này (trừ Doanh nghiệp thuộc tuyến khen thưởng của Bộ);

b) Công chức, viên chức, người lao động công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công chức công tác tại các Phòng Tài chính - Kế hoạch của UBND các thành phố trực thuộc tỉnh, quận, huyện, thị xã thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công chức làm công tác tài chính, kế toán tại UBND các xã, phường, thị trấn;

c) Công chức đang làm công tác tài chính, kế toán tại các Vụ Tài chính, Cục Tài chính của các Bộ, ngành, các cơ quan Trung ương; Vụ Tài chính, Cục Tài chính của các Tổng cục thuộc các Bộ.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành Tài chính hy sinh trong khi làm nhiệm vụ được công nhận Liệt sỹ.

3. Cá nhân có thành tích trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tài chính Việt Nam:

a) Lãnh đạo Đảng và Nhà nước; người đứng đầu các tổ chức chính trị xã hội ở Trung ương (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam);

b) Lãnh đạo các bộ, ban, ngành ở trung ương, gồm: Bộ trưởng, Thứ trưởng (và tương đương) phụ trách công tác tài chính;

c) Lãnh đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố).

4. Cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tài chính Việt Nam.

5. Không xét tặng Kỷ niệm chương đối với các cá nhân đã bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Trường hợp cá nhân trong thời gian trước đây bị xử lý kỷ luật, thì thời gian thi hành kỷ luật (bao gồm cả thời gian chưa được xóa kỷ luật) không được tính vào thời gian để xét tặng Kỷ niệm chương; chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau 3 năm tính từ thời điểm hết thời hạn chịu kỷ luật.

**Điều 16. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương**

1. Xét tặng Kỷ niệm chương đối với các cá nhân công tác tại các đơn vị thuộc Ngành.

a) Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Tài chính không tính thâm niên công tác khi xét tặng Kỷ niệm chương;

b) Cá nhân có tổng thời gian công tác trong Ngành từ 20 năm (không quy đổi) trở lên đối với nam, từ 15 năm (không quy đổi) trở lên đối với nữ; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên (tính cho tổng thời gian dùng để xét tặng Kỷ niệm chương);

c) Cá nhân công tác ở các ngành khác chuyển về công tác trong Ngành, nếu chưa đủ thời gian để xét tặng theo quy định, thì sẽ được xét tặng Kỷ niệm chương trước khi nghỉ hưu nếu có đủ 30 năm công tác liên tục trở lên đối với nam, 25 năm công tác liên tục trở lên đối với nữ, trong đó phải có 05 năm trở lên (60 tháng trở lên) công tác trong Ngành và được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên (tính cho tổng thời gian dùng để xét tặng Kỷ niệm chương).

2. Xét tặng Kỷ niệm chương đối với các cá nhân ngoài Ngành có nhiều thành tích trong sự nghiệp xây dựng, phát triển Ngành.

a) Cá nhân thuộc đối tượng xét tặng phải có thành tích nổi bật trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển của Ngành;

b) Đối với các chức danh Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có thời gian giữ chức vụ và phụ trách công tác tài chính, ngân sách từ 05 năm trở lên.

3. Xét tặng Kỷ niệm chương đối với các cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài, hoặc người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển Ngành.

a) Cá nhân thuộc đối tượng xét tặng phải có công lao, thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và củng cố quan hệ hợp tác quốc tế, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng, phát triển Ngành;

b) Người nước ngoài làm việc trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, khi kết thúc nhiệm kỳ công tác có nhiều công lao giúp đỡ Ngành trên các mặt: mở rộng quan hệ hợp tác tài chính với các nước và các tổ chức tài chính quốc tế; vận động các tổ chức quốc tế, các nhà tài chính đóng góp, giúp đỡ về tinh thần, vật chất, hoặc có những đóng góp về tư vấn, đào tạo, trợ giúp kỹ thuật… giúp cho Ngành trong quá trình hội nhập và hợp tác tài chính quốc tế;

c) Trường hợp đặc biệt mang tính ngoại giao do Bộ trưởng quyết định.

**Điều 17. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương**

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương bao gồm:

a) Tờ trình của đơn vị đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương;

b) Danh sách cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương (quy định tại mẫu số 01);

c) Bản tóm tắt quá trình công tác của cá nhân (quy định tại mẫu số 02), áp dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này;

d) Bản tóm tắt thành tích nổi bật trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tài chính Việt Nam (quy định tại mẫu số 03), áp dụng đối với các đối tượng tại khoản 3, khoản 4 Điều 15 Thông tư này;

e) Công văn tham gia ý kiến của Bộ Ngoại giao, áp dụng đối với các đối tượng tại khoản 4 Điều 15 Thông tư này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc ngành Tài chính có trách nhiệm lập hồ sơ, đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các cá nhân thuộc quyền quản lý, có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này.

a) Hồ sơ được lập thành 01 bộ, gửi về Bộ Tài chính (qua Vụ Tổ chức cán bộ) chậm nhất trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;

b) Đối với những trường hợp đã nghỉ chế độ, chuyển công tác, đã mất thì đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ trước khi nghỉ, chuyển công tác, trước khi mất có trách nhiệm lập hồ sơ.

3. Đối với Tổng cục thuộc Bộ, hồ sơ gửi về Bộ Tài chính (Vụ Tổ chức cán Bộ) gồm: Tờ trình và danh sách cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương; Bản tóm tắt quá trình công tác của cá nhân lưu tại Tổng cục.

4. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư này, hồ sơ gửi về Bộ Tài chính (Vụ Hợp tác quốc tế) thẩm định, thống nhất đề xuất khen thưởng, trình Bộ Tài chính (qua Vụ Tổ chức cán bộ).

 **Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

 **Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; các đơn vị thuộc tuyến khen thưởng Bộ Tài chính; các bộ, ngành, cơ quan trung ương; các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các sở tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Các đơn vị cấp Tổng cục trực thuộc Bộ và tương đương, tổ chức xây dựng Quy chế thi đua - Khen thưởng của đơn vị mình phù hợp với quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

 **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 17/2019/TT-BTC ngày 21/3/2019 của Bộ Tài chính quy định xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tài chính Việt Nam”.

2. Công tác thi đua, khen thưởng Ngành thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số …/2023/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:- Thủ tướng Chính phủ;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;- Website Chính Phủ; Website Bộ Tài chính;- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;- Các đơn vị thuộc và thuộc tuyến khen thưởng của Bộ Tài chính;- Lưu VT, Vụ TCCB (...bản). | **BỘ TRƯỞNG****Hồ Đức Phớc** |